

DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT

(Kèm theo Thông báo số 53 /TB-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2025, của UBND xã Lợi Bắc)

STT	Theo mảnh trích đo						Theo bản đồ địa chính				
	Mảnh trích đo	Tờ bản đồ (cũ)	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Mã hiệu thửa đất	Tờ bản đồ (cũ)	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Mã hiệu thửa đất
					8.458,9					8.458,9	
1	01-2019	1	305	42	474,0	ONT	1	305	3	279,0	ONT
		1	305				1	305	2	195,0	BHK
2	01-2019	1	305	13	236,0	NTS	1	305	13	236,0	NTS
3	01-2019	1	305	508	600,0	CLN	1	305	2	600,0	BHK
4	01-2019	1	305	509	248,0	BHK	1	305	2	248,0	BHK
5	01-2019	1	305	506	61,0	NTS	1	305	2	61,0	BHK
6	01-2019	1	305	505	259,0	LUC	1	305	2	204,0	BHK
							LN 01	305	2	55,0	RSX
7	01-2019	1	305	504	335,0	BHK	1	305	2	335,0	BHK
8	01-2019	1	305	503	164,0	BHK	1	305	2	57,0	BHK
		LN 01					LN 01	305	2	107,0	RSX
9	01-2019	1	305	4	2340,0	LUC	1	305	4	2.340,0	LUC
10	01-2019	1	305	45-2	1.344,9	CLN	1	305	2	150,9	BHK
		1					1	305	3	223,4	ONT
		1					1	305	17	406,5	LNQ
		LN 01					LN 01	305	2	564,1	RSX
11	01-2019	5	309	6	815,0	LUC	5	309	6	815,0	LUC
12	01-2019	LN 01	541	502	56,0	BHK	LN 01	541	2	56,0	RSX
13	01-2019	1	305	507	1.127,0	CLN	1	305	2	686,0	BHK
		1					1	305	3	49,0	ONT
		LN 01					LN 01	541	2	198,0	RSX
		LN 02 Tú Đoạn					LN 02 Tú Đoạn		119	194,0	RSX

14	01-2019	5	309	30	358,0	NTS	5	309	30	358,0	NTS
15	01-2019	1	305	11	41,0	BHK	1	305	11	41,0	BHK